TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TP HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21/5/2021
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Mai**

2. Ông **Nguyễn Văn Chiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Vi Thị Ngọc Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2021/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị C, sinh năm 1992; có mặt

Địa chỉ: Thôn 7, xã TX, huyện TT, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 7, xã TX, huyện TT, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2020 cùng các bản khai, biên bản hòa giải ngày 07/5/2021 và ngày 11/5/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án của nguyên đơn là chị Bùi Thị C trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn ngày 02/10/2015 tại UBND xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh

phúc đến tháng 11/2020 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng không ăn chung, ngủ chung, kinh tế đã riêng biệt. Nay chị đã hết tình cảm vợ chồng với anh Đ, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh Đ.

Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 03/7/2020. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 10.000.000đồng/tháng. Hiện anh Đ kinh doanh bất động sản, thu nhập khoảng 40.000.000đ/tháng, chị ở nhà nuôi con hiện chưa có thu nhập.

Tài sản chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ khai: Anh và chị Bùi Thị C kết hôn tự nguyện vào năm 2015, có đăng ký kết hôn ngày 02/10/2015 tại UBND xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Gia đình hai bên đã động viên, khuyên bảo để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng không ăn chung, ngủ chung và kinh tế đã riêng biệt 5 đến 6 tháng nay. Chị C xin ly hôn, anh đồng ý.

Anh và chị C có 01 con chung là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 03/7/2020. Ly hôn, anh đồng ý giao cháu K cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng cho chị C số tiền 10.000.000đồng/tháng. Hiện anh làm nghề kinh doanh bất động sản, thu nhập mỗi tháng 15.000.000đồng.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục hòa giải đã được tiến hành đúng pháp luật; Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện TT đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Bùi Thị C. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ cư trú trên địa bàn huyện TT, thành phố Hà Nội. Do vậy Toà án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TX, huyện TT, TP Hà Nội ngày 02/10/2015. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh Đ được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân: Do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải và tạo điều kiện về thời gian để hai bên tìm phương pháp giải quyết mâu thuẫn. Song chị C đã xác định tình cảm vợ chồng không còn, còn anh Đ đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị C, không có bất kỳ phương pháp nào để hàn gắn tình cảm và xin vắng mặt tại Tòa án, thể hiện mâu thuẫn giữa chị C và anh Đ đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần cho chị C ly hôn anh Đ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

2.2. Về con chung: Xác định chị C và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 03/7/2020.

Chị C và anh Đ thống nhất thỏa thuận giao cháu K cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Đăng K còn nhỏ tuổi, dưới 36 tháng, nên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị C yêu cầu anh Đ cấp dưỡng số tiền 10.000.000 đồng mỗi tháng, anh Đ đồng ý, nên chấp nhận sự thỏa thuận của các bên, buộc anh Đ cấp dưỡng cho chị C số tiền 10.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 6/2021.

2.3. Về tài sản, công sức nợ chung: Chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 243, 245, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Bùi Thị C.

1.1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 03/7/2020 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu K đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

1.3. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 10.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 6/2021 đến khi cháu K đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

1.4. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồ*ng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lại thu số AA/2016/0011933 ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội. Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồ*ng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Bùi Thị C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Yên

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- CCTHADS huyện TT;
- UBND xã TX;
- Những người tham gia tố tụng.